

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 262/2025/DS-PT

Ngày: 06-05-2025

V/v tranh chấp về thừa kế
tài sản và thực hiện
nghĩa vụ tài sản do
người chết để lại

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Trung Dũng;

Các Thẩm phán: Ông Lê Sỹ Trứ;

Bà Huỳnh Thị Thanh Tuyền.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Ngọc Hoàng Quân - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa:
Bà Trần Thị Phước - Kiểm sát viên.

Trong ngày 06 tháng 5 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 663/2024/TLPT-DS ngày 26/11/2024 về việc “Tranh chấp về thừa kế tài sản và thực hiện nghĩa vụ do người chết để lại”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm 290/2024/DSST ngày 10 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố D, tỉnh Bình Dương bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 100/2025/QĐ-PT ngày 10 tháng 02 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Tô Nguyễn Phương L, sinh năm 1976; địa chỉ thường trú: Số D, Khu phố T, phường D, thành phố D, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà Nguyễn Tố L1, sinh năm 1996; địa chỉ: số A T, Phường L, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh, là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 29/3/2025); có mặt.

- Bị đơn: Bà Tô Nguyễn Linh P, sinh năm 1975; địa chỉ: Số D, Khu phố T, phường D, thành phố D, tỉnh Bình Dương; có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập: Bà Trà Thị Thanh H, sinh năm 1983; địa chỉ: số B, đường X, khu phố T, phường D, thành phố D, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp của bà Trà Thị Thanh H: Bà Nguyễn Thị X, sinh năm 1978; địa chỉ: số C, khu phố T, phường D, thành phố D, tỉnh Bình Dương, hoặc ông Võ Tấn T, sinh năm 1994; địa chỉ: tổ C, thôn B, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Nam; có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Nguyễn Thị H1, sinh năm 1956; địa chỉ: Số D, Khu phố T, phường D, thành phố D, tỉnh Bình Dương; vắng mặt.

2. Bà Tô Thúy A, sinh năm 1975; địa chỉ: số nhà H, đường N, khu phố N, phường D, thành phố D, tỉnh Bình Dương; có đơn xin xét xử vắng mặt.

3. Ông Đinh Văn A1, sinh năm 1971; địa chỉ: số nhà H, đường N, khu phố N, phường D, thành phố D, tỉnh Bình Dương; có đơn xin xét xử vắng mặt.

4. Bà Trần Thị M, sinh năm 1961; địa chỉ: Ấp T, xã X, huyện X, tỉnh Đồng Nai; có đơn xin xét xử vắng mặt.

5. Chi cục Thi hành án dân sự thành phố D, tỉnh Bình Dương; có đơn xin xét xử vắng mặt.

6. Ông Tô Công C, sinh năm 1977; địa chỉ: số D, đường Đ, khu phố T, phường Đ, thành phố D, tỉnh Bình Dương; vắng mặt.

7. Chị Tô Nguyễn Minh T1; sinh năm 2001; địa chỉ: Số E, Khu phố T, phường D, thành phố D, tỉnh Bình Dương; vắng mặt.

- *Người kháng cáo:* Bị đơn Tô Nguyễn Linh P.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn yêu cầu khởi kiện ngày 25/10/2023, lời khai trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa nguyên đơn bà Tô Nguyễn Phương L trình bày:

Bà Tô Nguyễn Phương L là con đẻ của ông Tô Tấn T2 và bà Nguyễn Thị H1. Ông Tô Tấn T2 chết ngày 28/5/2022. Người thừa kế thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông Tô Tấn T2 hiện nay bao gồm: Vợ của ông T2 là bà Nguyễn Thị H1, các con chung của ông T2 và H1 bao gồm: Bà Tô Nguyễn Phương L, Tô Nguyễn Linh P, sinh năm 1975 và Tô Công C, sinh năm 1977. Lúc còn sống ông T2 không có con riêng cũng như không có con nuôi.

Cha của ông T2 là ông Tô Văn P1 (chết năm 2000), mẹ là bà Nguyễn Thị L2 (chết năm 2017). Cha, mẹ của ông T2 đều chết trước ông T2. Ngoài bà Nguyễn Thị H1, ông Tô Công C, bà Tô Nguyễn Linh P và bà Tô Nguyễn Phương L là người thừa kế thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông T2 thì không còn ai thuộc hàng thừa kế thứ nhất.

Quá trình chung sống ông Tô Tấn T2 và bà Nguyễn Thị H1 có tài sản chung là quyền sử dụng đất thuộc thửa đất số 4479, tờ bản đồ số 38, diện tích 129,6m² tại khu phố T, phường D, thị xã D (nay là thành phố D), tỉnh Bình Dương theo sổ cấp GCN: CH17819 do Ủy ban nhân dân thị xã D cấp ngày 17/5/2019 cho ông Tô Tấn T2. Sau đó, ông T2 cấp đổi lại quyền sử dụng đất thuộc thửa đất số

4479, tờ bản đồ số 38, diện tích 129,6m² tại khu phố T, phường D, thị xã D (nay là thành phố D), tỉnh Bình Dương theo sổ vào sổ cấp GCN: CS18120 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp ngày 22/7/2019 cho ông Tô Tấn T2.

Trước khi chết ông T2 không để lại di chúc. Nay bà Tô Nguyễn Phương L khởi kiện yêu cầu chia di sản thừa kế do ông T2 để lại là $\frac{1}{2}$ quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất là căn nhà cấp 4 thuộc thửa đất số 4479, tờ bản đồ số 38, diện tích 129,6m² tại khu phố T, phường D, thị xã D (nay là thành phố D), tỉnh Bình Dương thành 4 phần, bà L nhận một phần và nhận bằng hiện vật và sẽ thanh toán lại cho các đồng thừa kế kỹ phần thừa kế bằng giá trị.

Đối với yêu cầu độc lập của bà Trà Thị Thanh H thì bà không đồng ý, vì bà chỉ biết ông T2 có tài sản để lại nên bà yêu cầu được chia thừa kế, bà không biết trước khi chết ông Tô Tấn T2 có nghĩa vụ thi hành án cho những ai nên bà không có nghĩa vụ phải thực hiện nghĩa vụ do ông T2 để lại.

Tại đơn yêu cầu độc lập ngày 20/12/2023 lời khai trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa người đại diện hợp pháp của bà Trà Thị Thanh H là ông Võ Tấn T và bà Nguyễn Thị X thống nhất trình bày:

Ông Tô Tấn T2 và bà Nguyễn Thị H1 có nghĩa vụ thanh toán cho bà số tiền 3.504.273.000 đồng (Ba tỷ năm trăm lẻ bốn triệu hai trăm bảy mươi ba nghìn đồng) theo Bản án dân sự sơ thẩm số 12/2020/DS-ST ngày 24/4/2020 của Tòa án nhân dân thành phố D, tỉnh Bình Dương và Quyết định đình chỉ xét xử phúc thẩm số 18/2020/QĐ-PT ngày 17/8/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương. Do ông Tô Tấn T2 và bà Nguyễn Thị H1 không tự nguyện thi hành án nên bà H làm đơn yêu cầu thi hành án nhưng cho đến nay ông Tô Tấn T2 và bà Nguyễn Thị H1 vẫn chưa thi hành. Hiện nay, Chi cục Thi hành án dân sự thành phố D, tỉnh Bình Dương đã tiến hành kê biên đối với quyền sử dụng đất thuộc thửa đất 4479, tờ bản đồ số 38 tại Khu phố T, phường D, thành phố D, tỉnh Bình Dương theo sổ vào sổ cấp GCN: CS18120 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp ngày 22/7/2019 cho ông Tô Tấn T2 để thi hành án cho các khoản phải thi hành.

Đối với nhà ở riêng lẻ được xây dựng gắn liền với quyền sử dụng đất thuộc thửa đất 4479, tờ bản đồ số 38 tại khu phố T, phường D, thành phố D, tỉnh Bình Dương cũng đã được Tòa án nhân dân thành phố D, tỉnh Bình Dương xác định là tài sản chung của ông Tô Tấn T2 và bà Nguyễn Thị H1 tại Bản án dân sự số 86/2022/DS-ST ngày 30/8/2022 của Tòa án nhân dân thành phố D, tỉnh Bình Dương. Bản án trên đã có hiệu lực pháp luật. Tuy nhiên, Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố D vẫn không thi hành được các bản án, quyết định của Tòa án do những người con của ông T2 lợi dụng quyền khởi kiện để liên tục nộp đơn tranh chấp tại Tòa án nhân dân thành phố D nhằm kéo dài quá trình thi hành án. Mỗi lần Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố D tiến hành các thủ tục để thi hành án thì ông C nộp đơn tranh chấp. Sau đó, ngày 27 tháng 3 năm 2023 bà Tô Nguyễn Phương L lại tiếp tục nộp đơn tranh chấp về thừa kế tại Tòa án nhân dân thành phố D, tại phiên tòa ngày 14/9/2023 bà L tự nguyện rút đơn. Sau khi Tòa án đình chỉ giải quyết vụ án, Chi cục thi hành án tiếp tục thủ tục thi hành án thì bà L lại

tiếp tục nộp đơn khởi kiện nội dung tranh chấp lần này cũng không có gì khác so với vụ án mà Tòa án nhân dân thành phố D đã thụ lý số 148/2023/TLST-DS ngày 19/4/2023.

Những người thừa kế thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông T2 hoàn toàn biết được việc hiện nay di sản do ông T2 để lại không đủ để thi hành án cho rất nhiều bản án quyết định mà ông Tô Tấn T2 có nghĩa vụ phải thi hành nhưng cố tình không thực hiện nghĩa vụ phải thi hành án do ông T2 để lại mà liên tục sử dụng quyền khởi kiện để tạo ra tranh chấp tại Tòa án khiến cho Chi cục Thi hành án D nhiều lần phải làm thủ tục tạm hoãn thi hành án để chờ Tòa án giải quyết tranh chấp liên quan đến tài sản thi hành án. Việc lợi dụng quyền khởi kiện của bà L đã làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà Trà Thị Thanh H, khiến cho bà H phải liên tục tham gia tố tụng tại Tòa án ở nhiều cấp, nhiều lần dẫn đến thiệt hại về thời gian, công sức cũng như tinh thần của bà H.

Vì vậy, bà Trà Thị Thanh H đề nghị Tòa án không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, đồng thời có yêu cầu độc lập trong vụ án về việc:

Yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố D buộc những người thừa kế thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông Tô Tấn T2 gồm: Bà Nguyễn Thị H1, ông Tô Công C, bà Tô Nguyễn Phương L và bà Tô Nguyễn Linh P phải thực hiện nghĩa vụ tài sản trong phạm vi di sản do ông Tô Tấn T2 để lại là nhà và đất tại thửa đất 4479, tờ bản đồ số 38 tại khu phố T, phường D, thành phố D, tỉnh Bình Dương tương ứng với kỷ phần thừa kế mà bà H1, ông C, bà L và bà P được nhận tại thời điểm cơ quan thi hành án có thẩm quyền bán tài sản thi hành án.

Người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố D có yêu cầu giải quyết vắng mặt, tại công văn số 1771/CCTHADS ngày 30/7/2024 Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố D trình bày: Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố D (sau đây gọi tắt là Chi cục THADS) đang tổ chức thi hành các Quyết định số 65/2019/QĐST-DS ngày 30/9/2019 của Tòa án nhân dân thị xã D (nay là thành phố D), tỉnh Bình Dương; Bản án số 12/2020/DS-ST ngày 22/4/2020 của Tòa án nhân dân thành phố D, tỉnh Bình Dương; Quyết định đình chỉ xét xử phúc thẩm vụ án dân sự số 18/2020/QĐ-PT ngày 17/8/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương; Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số 72/2020/QĐST -DS ngày 14/12/2020 của Tòa án nhân dân thành phố D, tỉnh Bình Dương.

Đồng thời đã ban hành các Quyết định thi hành án số 697/QĐ-CCTHADS ngày 25/12/2019; số 08/QĐ-CCTHADS ngày 02/10/2020; số 36/QĐ-CCTHADS ngày 02/10/2020; số 948/QĐ- CCTHADS ngày 04/01/2021 của Chi cục trưởng Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố D, tỉnh Bình Dương đối với ông Tô Tấn T2, bà Nguyễn Thị H1, bà Tô Nguyễn Linh P, bà Tô Nguyễn Phương L, ông Tô Công C, với các nội dung:

+ Ông Tô Tấn T2, bà Nguyễn Thị H1, bà Tô Nguyễn Linh P, bà Tô Nguyễn Phương L, ông Tô Công C cùng có trách nhiệm liên đới thanh toán cho ông Đinh Văn A1 và bà Tô Thúy A số tiền 720.000.000 đồng (Bảy trăm hai mươi triệu

đồng), trong đó: số tiền nhận chuyển nhượng 600.000.000 đồng và tiền bồi thường 120.000.000 đồng. Thời hạn thanh toán vào ngày 19/12/2019;

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự tương ứng với thời gian và số tiền chậm thi hành án.

+ Buộc ông Tô Tấn T2 và bà Nguyễn Thị H1 có trách nhiệm liên đới trả cho bà Trà Thị Thanh H số tiền 3.504.273.000 đồng (ba tỷ năm trăm lẻ bốn triệu hai trăm bảy mươi ba ngàn đồng); trong đó: tiền nợ gốc là 3.100.000.000 đồng, tiền nợ lãi là 404.273.000 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm nếu người phải thi hành án không thi hành thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

+ Ông Tô Tấn T2 và bà Nguyễn Thị H1 có nghĩa vụ trả cho bà Trần Thị M số tiền còn nợ theo Giấy mượn nợ ngày 24/4/2016 với số tiền 1.461.643.000 đồng (một tỷ bốn trăm sáu mươi một triệu sáu trăm bốn mươi ba ngàn đồng), trong đó: Nợ gốc 1.000.000.000 đồng, nợ lãi tính từ ngày 24/4/2016 đến ngày 04/12/2020 với mức lãi suất 10%/năm là 461.643.000 đồng.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong, người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

+ Ông Tô Tấn T2 và bà Nguyễn Thị H1 phải nộp tổng cộng 130.010.105 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Qua xác minh điều kiện thi hành án thì ông Tô Tấn T2, bà Nguyễn Thị H1, bà Tô Nguyễn Linh P, bà Tô Nguyễn Phương L, ông Tô Công C có tài sản tại là quyền sử dụng đất thuộc thửa số 4479, tờ bản đồ số 38, diện tích 129,6m², tọa lạc khu phố T, phường D, thành phố D, tỉnh Bình Dương, theo sổ vào sổ cấp GCN: CS18120 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp ngày 22/7/2019 cho ông Tô Tấn T2.

Nhận thấy ông Tô Tấn T2, bà Nguyễn Thị H1, bà Tô Nguyễn Linh P, bà Tô Nguyễn Phương L, ông Tô Công C có điều kiện thi hành án nhưng không tự nguyện thi hành, Chi cục Thi hành án dân sự thành phố D đã tiến hành kê biên tài sản nói trên để đảm bảo nghĩa vụ thi hành án theo Quyết định số 07/QĐ-CCTHADS ngày 22 tháng 12 năm 2020 về việc cưỡng chế kê biên, xử lý tài sản và Biên bản về việc kê biên, xử lý tài sản ngày 07 tháng 01 năm 2021.

Hiện nay, qua xem xét tài liệu trong quá trình giải quyết việc thi hành án, được biết tài sản tọa lạc khu phố T, phường D, thành phố D, tỉnh Bình Dương đang có tranh chấp tại Tòa án nhân dân thành phố D, tỉnh Bình Dương theo Thông báo về việc thụ lý vụ án số 148/2023/TB-TLVA ngày 19 tháng 4 năm 2023 đối

với yêu cầu của bà Tô Nguyễn Phương L, sinh năm 1976, đối với bà Tô Nguyễn Linh P, sinh năm 1975; cùng thường trú: 4 khu phố T, phường D, thành phố D, tỉnh Bình Dương. Bằng văn bản này, Chi cục Thi hành án dân sự thành phố D thông báo nội dung thi hành án về nghĩa vụ mà ông Tô Tấn T2, bà Nguyễn Thị H1, bà Tô Nguyễn Linh P, bà Tô Nguyễn Phương L, ông Tô Công C phải thi hành tại Chi cục và việc áp dụng biện pháp cưỡng chế kê biên, xử lý tài sản đối với khối tài sản.

Chi cục Thi hành án dân sự thành phố D đã tiến hành kê biên tài sản là quyền sử dụng đất thuộc thửa đất số 4479, tờ bản đồ số 38, diện tích 129,6m², tọa lạc khu phố T, phường D, thành phố D, tỉnh Bình Dương, theo sổ vào sổ cấp GCN: CS18120 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp ngày 22/7/2019 cho ông Tô Tấn T2 để đảm bảo nghĩa vụ thi hành án theo Quyết định số 07/QĐ-CCTHADS ngày 22/12/2020 về việc cưỡng chế, kê biên, xử lý tài sản và biên bản về việc kê biên, xử lý tài sản ngày 07/01/2021.

Bằng văn bản này, Chi cục Thi hành án dân sự thành phố D thông báo nội dung thi hành án về nghĩa vụ mà ông Tô Tấn T2, bà Nguyễn Thị H1, bà Tô Nguyễn Linh P, bà Tô Nguyễn Phương L, ông Tô Công C phải thi hành tại Chi cục và việc áp dụng biện pháp cưỡng chế kê biên, xử lý tài sản đối với khối tài sản trên. Nay nguyên đơn khởi kiện tranh chấp chia di sản thừa kế, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật để đảm bảo quyền lợi ích hợp pháp, tránh thiệt hại phát sinh của các bên đương sự cùng người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trong quá trình giải quyết việc thi hành án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Đinh Văn A1 và bà Tô Thúy A có yêu cầu giải quyết vắng mặt; tại bản tự khai ngày 13/6/2024 ông A và bà A thống nhất trình bày: ông Đinh Văn A1 và bà Tô Thúy A là vợ chồng, theo Quyết định công nhận sự thỏa thuận số 65/2019/QĐST-DS ngày 30/9/2019 của Tòa án nhân dân thị xã D (nay là thành phố D), tỉnh Bình Dương thì ông Tô Tấn T2, bà Nguyễn Thị H1, bà Tô Nguyễn Linh P, bà Tô Nguyễn Phương L và ông Tô Công C cùng có trách nhiệm liên đới thanh toán cho ông A và bà A số tiền 720.000.000 đồng (Bảy trăm hai mươi triệu đồng); thời hạn thanh toán vào ngày 19/12/2019. Sau khi Quyết định có hiệu lực vợ chồng ông A và bà A làm đơn yêu cầu thi hành án nhưng cho đến nay ông Tô Tấn T2, bà Nguyễn Thị H1, bà Tô Nguyễn Linh P, bà Tô Nguyễn Phương L và ông Tô Công C vẫn chưa thi hành theo Quyết định.

Hiện nay, Chi cục thi hành án dân sự thành phố D, tỉnh Bình Dương đã tiến hành kê biên đối với quyền sử dụng đất thuộc thửa đất 4479, tờ bản đồ số 38 tại khu phố T, phường D, thành phố D, tỉnh Bình Dương theo sổ vào sổ cấp GCN: CS18120 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp ngày 22/7/2019 cho ông Tô Tấn T2 để thi hành án cho các khoản phải thi hành. Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và yêu cầu độc lập của bà Trà Thị Thanh H ông bà không có ý kiến gì. Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị M có yêu cầu giải quyết vắng mặt; tại bản tự khai ngày 29/5/2024 bà M trình bày: Theo Quyết định công

nhận sự thỏa thuận số: 72/2020/QĐST-DS ngày 14/12/2020 của Tòa án nhân dân thành phố D, tỉnh Bình Dương thì ông Tô Tấn T2 và bà Nguyễn Thị H1 cùng có trách nhiệm liên đới thanh toán cho bà số tiền 1.461.643.000 đồng (một tỷ bốn trăm sáu mươi một triệu sáu trăm bốn mươi ba nghìn đồng). Ông T2 và bà H1 chưa thi hành án trả số tiền trên. Hiện nay, Chi cục thi hành án dân sự thành phố D, tỉnh Bình Dương đã tiến hành kê biên đối với quyền sử dụng đất thuộc thửa đất 4479, tờ bản đồ số 38 tại khu phố T, phường D, thành phố D, tỉnh Bình Dương theo số vào sổ cấp GCN: CS18120 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp ngày 22/7/2019 cho ông Tô Tấn T2 để thi hành án cho các khoản phải thi hành.

Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và yêu cầu độc lập của bà Trà Thị Thanh H ông bà không có ý kiến gì; đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của luật.

Bị đơn bà T3 Nguyễn Linh P và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị H1 và ông Tô Công C, Tô Nguyễn Minh T1: Đã được Tòa án tổng đạt thông báo thụ lý, thông báo thụ lý yêu cầu độc lập và các tài liệu chứng cứ kèm theo đơn khởi kiện do nguyên đơn cung cấp và yêu cầu bị đơn bà T3 Nguyễn Linh P và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị H1 và ông Tô Công C, Tô Nguyễn Minh T1 có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nhưng không ai có ý kiến gì và không cung cấp bất cứ tài liệu, chứng cứ gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cũng như yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

Tại mảnh trích lục địa chính không có đo đạc chỉnh lý ngày 22/6/2023 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố D, biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 13/7/2023 và biên bản định giá ngày 13/7/2023 thể hiện: Diện tích đất tranh chấp yêu cầu chia di sản thừa kế là 64,8m² tương đương với 1/2 tổng diện tích 129,6m² thuộc thửa đất 4479, tờ bản đồ số 38 thể hiện trong bản vẽ.

Đối với phần ký hiệu A trên sơ đồ bản vẽ, nguyên đơn không tranh chấp, vì phần diện tích này không thuộc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho ông T2.

Về giá đất: giá đất ở 25.000.000 đồng/m² x 106,5m² = 2.662.500.000 đồng; giá đất trồng cây lâu năm: 23.000.000 đồng/m² x 23,1m² = 531.300.000 đồng; giá nhà: 5.265.000 đồng x 106,5m² x 20% (giá trị thực tế sử dụng còn lại) = 112.144.500 đồng; sân bê tông: 252.000 đồng/m² x 15,1m² x 20% (giá trị thực tế sử dụng còn lại) = 761.040 đồng. Tổng giá trị tài sản: 3.306.705.540 đồng.

Ngoài ra, trên đất tranh chấp còn có một phần nền gạch tàu có diện tích 1,1m², một phần hồ cá 9,51m².

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 290/2024/DSST ngày 10/9/2024, Tòa án nhân dân thành phố D, tỉnh Bình Dương đã quyết định:

1.1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Tô Nguyễn Phương L với bị đơn bà Tô Nguyễn Linh P về việc yêu cầu chia di sản thừa kế của ông Tô Tấn T2.

1.2. Xác định di sản do ông Tô Tấn T2 để lại là: $\frac{1}{2}$ giá trị quyền sử dụng đất và căn nhà ở riêng lẻ gắn liền với quyền sử dụng đất thuộc thửa đất 4479, tờ bản đồ số 38 tại khu phố T, phường D, thành phố D, tỉnh Bình Dương theo số vào sổ cấp GCN: CS18120 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp ngày 22/7/2019 cho ông Tô Tấn T2.

1.3 Xác định bà Nguyễn Thị H1, bà Tô Nguyễn Linh P, bà Tô Nguyễn Phương L và ông Tô Công C là người thừa kế theo pháp luật thuộc hàng thừa kế thứ nhất của Tô Tấn T2.

- Bà Nguyễn Thị H1, bà Tô Nguyễn Linh P, bà Tô Nguyễn Phương L và ông Tô Công C là người được hưởng di sản do ông Tô Tấn T2 để lại và thực hiện nghĩa vụ thanh toán trong phạm vi di sản của ông T2 để lại đối với các khoản nợ tại: Quyết định công nhận sự thỏa thuận số 65/2019/QĐST-DS ngày 30/9/2019 của Tòa án nhân dân thị xã D (nay là thành phố D), tỉnh Bình Dương, Bản án dân sự số 12/2020/DS-ST ngày 24/4/2020 của Tòa án nhân dân thành phố D, tỉnh Bình Dương và Quyết định đình chỉ xét xử phúc thẩm số 18/2020/QĐ-PT ngày 17/8/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương và Quyết định công nhận sự thỏa thuận số: 72/2020/QĐST-DS ngày 14/12/2020 của Tòa án nhân dân thành phố D, tỉnh Bình Dương.

- Bà Nguyễn Thị H1, bà Tô Nguyễn Linh P, bà Tô Nguyễn Phương L và ông Tô Công C mỗi người sẽ được hưởng một phần kỷ phần thừa kế bằng nhau sau khi thực hiện xong nghĩa vụ thi hành án của ông Tô Tấn T2.

2. Chấp nhận yêu cầu độc lập của bà Trà Thị Thanh H về việc buộc bà Nguyễn Thị H1, bà Tô Nguyễn Phương L, Tô Nguyễn Linh P, ông Tô Công C và bà Nguyễn Thị H1 phải có nghĩa vụ thi hành các khoản nợ do ông Tô Tấn T2 để lại trong phạm vi di sản là: $\frac{1}{2}$ giá trị quyền sử dụng đất và căn nhà ở riêng lẻ gắn liền với quyền sử dụng đất thuộc thửa đất 4479, tờ bản đồ số 38 tại khu phố T, phường D, thành phố D, tỉnh Bình Dương theo số vào sổ cấp GCN: CS18120 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp ngày 22/7/2019 cho ông Tô Tấn T2.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí, trách nhiệm thi hành án và quyền kháng cáo cho các đương sự.

Sau khi có bản án sơ thẩm, ngày 16/10/2024 Tòa án nhân dân thành phố D, tỉnh Bình Dương nhận được đơn kháng cáo của nguyên đơn bà Tô Nguyễn Phương L và bị đơn Tô Nguyễn Linh P, bà L và bà P kháng cáo toàn bộ Bản án sơ thẩm số 290/2024/DSST ngày 10/9/2024 của Tòa án nhân dân thành phố D, đề nghị Tòa cấp phúc thẩm hủy toàn bộ bản án sơ thẩm, chuyển hồ sơ về cho Tòa án nhân dân thành phố D giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo; bị đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo; các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa:

Về tố tụng: Những người tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự tại Tòa án cấp phúc thẩm.

Về nội dung: Ông T2 và bà H1 phải thi hành các quyết định trước khi ông T2 chết. Cơ quan thi hành án đã cưỡng chế, kê biên xử lý tài sản tranh chấp từ năm 2020 – 2021. Do đó, tài sản tranh chấp không còn. Trường hợp sau khi thi hành án, tài sản còn dư thì những người ở hàng thừa kế thứ nhất mới có quyền khởi kiện. Do đó, không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của bị đơn. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự, sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không chấp nhận yêu cầu độc lập của người liên quan.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, kết quả tranh tụng của các đương sự tại phiên tòa, ý kiến đại diện Viện kiểm sát,

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Kháng cáo của bị đơn bà T3 Nguyễn Linh P là trong thời hạn luật định. Do đó, Tòa án cấp phúc thẩm thụ lý giải quyết theo quy định của pháp luật.

[1.2] Tại cấp phúc thẩm, bị đơn bà Tô Nguyễn Linh P, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Tô Thúy A, ông Đinh Văn A1, bà Trần Thị M và Chi cục Thi hành án dân sự thành phố D, tỉnh Bình Dương có đơn xin xét xử vắng mặt. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị H1, ông Tô Công C, chị Tô Nguyễn Minh T1 đã được Tòa án triệu tập nhưng vắng mặt. Căn cứ theo Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự này.

[1.3] Xét thấy, quá trình tố tụng tại cấp sơ thẩm, Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử vắng mặt bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan phù hợp theo Điều 227 và 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Việc nguyên đơn bà Tô Nguyễn Phương L rời khỏi phòng xử án tại phần tranh tụng là vi phạm quy định tố tụng nhưng bà L đã tham gia đến phần tranh luận nên Tòa án cấp sơ thẩm không xem là nguyên đơn từ bỏ quyền khởi kiện và tiếp tục xem xét yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ. Vào ngày 16/10/2024, bà L kháng cáo đối với bản án sơ thẩm. Tuy nhiên, trường hợp của bà L là kháng cáo quá hạn do đó Hội đồng xét xử phúc thẩm đã tạm ngừng phiên tòa để làm thủ tục xét kháng cáo quá hạn. Vào ngày 05/5/2025, Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương đã xét kháng cáo quá hạn đối với trường hợp của bà L và ban hành Quyết định không chấp nhận việc kháng cáo quá hạn số 05/2025/QĐ-PT. Do đó, việc bà L kháng cáo bản án dân sự sơ thẩm số

290/2024/DSST ngày 10/9/2024 của Tòa án nhân dân thành phố D, tỉnh Bình Dương là quá hạn nên không được chấp nhận.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hàng thừa kế: Căn cứ theo điểm a khoản 1 Điều 651 của Bộ luật Dân sự năm 2015, hàng thừa kế thứ nhất của ông T2 hiện nay có 04 người là bà Nguyễn Thị H1 (vợ), bà Tô Nguyễn Phương L (con ruột), bà Tô Nguyễn Linh P (con ruột) và ông Tô Công C (con ruột). Do ông T2 chết không để lại di chúc nên việc bà L khởi kiện yêu cầu được hưởng $\frac{1}{4}$ kỷ phần di sản do ông T2 để lại là có căn cứ.

[2.2] Về di sản thừa kế:

Căn cứ theo Bản án dân sự sơ thẩm số 86/2022/DS-ST ngày 30/8/2022 về việc “Tranh chấp về thừa kế tài sản thực hiện nghĩa vụ tài sản do người chết để lại”, Tòa án nhân dân thành phố D, tỉnh Bình Dương đã xác định quyền sử dụng đất thuộc thửa đất 4479, tờ bản đồ số 38 tại khu phố T, phường D, thành phố D, tỉnh Bình Dương theo sổ vào sổ cấp GCN: CS18120 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp ngày 22/7/2019 và căn nhà ở riêng lẻ gắn liền với đất là tài sản thuộc quyền quản lý, sử dụng của ông Tô Tấn T2 và bà Nguyễn Thị H1.

Căn cứ theo Biên bản định giá tài sản ngày 27/6/2024 (BL117-118), tổng giá trị của quyền sử dụng đất và căn nhà ở riêng lẻ gắn liền với đất (không bao gồm 01 nền gạch tàu, 01 phần hồ cá, 01 điện kế chính và 01 đồng hồ nước máy) là 3.306.705.540 đồng. Căn cứ theo Điều 213 của Bộ luật Dân sự năm 2015 và Điều 66 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, tài sản chung của vợ chồng được chia đôi. Do đó, việc Tòa án cấp sơ thẩm xác định di sản của ông T2 là $\frac{1}{2}$ giá trị đất và căn nhà ở riêng lẻ gắn liền với đất là 3.306.705.540 đồng : 2 = 1.653.352.770 đồng là có căn cứ.

[2.3] Về quyền, nghĩa vụ tài sản:

Căn cứ theo Điều 614 của Bộ luật Dân sự năm 2015, “*Kể từ thời điểm mở thừa kế, những người thừa kế có các quyền, nghĩa vụ tài sản do người chết để lại*”. Do đó, khi ông T2 chết mà không để lại di chúc, thì những người thừa kế có quyền, nghĩa vụ tài sản do ông T2 để lại.

Trước thời điểm ông T2 chết (ngày 28/5/2022), đã có các bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật, cụ thể như sau:

+ Quyết định công nhận sự thỏa thuận số 65/2019/QĐST-DS ngày 30/9/2019 của Tòa án nhân dân thị xã D (nay là thành phố D), tỉnh Bình Dương: Buộc ông Tô Tấn T2, bà Nguyễn Thị H1, bà Tô Nguyễn Phương L, bà Tô Nguyễn Linh P, ông Tô Công C có trách nhiệm liên đới thanh toán cho ông Đinh Văn A1 và bà Tô Thúy A số tiền 720.000.000 đồng; thời hạn thanh toán là ngày 19/12/2019 (đã có Quyết định thi hành án theo yêu cầu số 697/QĐ-CCTHADS ngày 25/12/2019);

+ Bản án dân sự số 12/2020/DS-ST ngày 24/4/2020 của Tòa án nhân dân thành phố D, tỉnh Bình Dương và Quyết định đình chỉ xét xử phúc thẩm số

18/2020/QĐ-PT ngày 17/8/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương: Buộc ông Tô Tấn T2 và bà Nguyễn Thị H1 có trách nhiệm liên đới thanh toán cho bà Trà Thị Thanh H số tiền 3.504.273.000 đồng (đã có Quyết định thi hành án theo yêu cầu số 08/QĐ-CCTHADS ngày 02/10/2020 và Quyết định thi hành án chủ động số 36/QĐ-CCTHADS ngày 02/10/2020);

+ Quyết định công nhận sự thỏa thuận số 72/2020/QĐST-DS ngày 14/12/2020 của Tòa án nhân dân thành phố D, tỉnh Bình Dương: Buộc ông Tô Tấn T2 và bà Nguyễn Thị H1 có trách nhiệm liên đới thanh toán cho bà Trần Thị M số tiền 1.461.643.000 đồng (đã có Quyết định thi hành án chủ động số 871/QĐ-CCTHADS ngày 29/12/2020 và Quyết định thi hành án theo yêu cầu số 948/QĐ-CCTHADS ngày 04/01/2021);

Căn cứ theo khoản 1 Điều 615 của Bộ luật Dân sự năm 2015, “*Những người hưởng thừa kế có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ tài sản trong phạm vi di sản do người chết để lại, trừ trường hợp có thỏa thuận khác*”. Do giữa các đương sự không có bất kỳ thỏa thuận nào, nên những người hưởng thừa kế bao gồm bà H1, bà L, bà P và ông C phải thực hiện nghĩa vụ tài sản trong phạm vi di sản do ông T2 để lại theo các bản án, quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật nêu trên.

[2.3] Về thứ tự ưu tiên thanh toán:

Căn cứ theo Điều 658 của Bộ luật Dân sự năm 2015, các nghĩa vụ tài sản và các khoản chi phí liên quan đến thừa kế phải được thanh toán theo thứ tự luật định, bao gồm: Chi phí hợp lý theo tập quán cho việc mai táng; Tiền cấp dưỡng còn thiếu; Chi phí cho việc bảo quản di sản; Tiền trợ cấp cho người sống nương nhờ; Tiền công lao động; Tiền bồi thường thiệt hại; Thuế và các khoản phải nộp khác vào ngân sách nhà nước; Các khoản nợ khác đối với cá nhân, pháp nhân; Tiền phạt; Các chi phí khác. Do đó, bà H1, bà L, bà P và ông C phải thực hiện nghĩa vụ tài sản theo các bản án, quyết định đã có hiệu lực nêu trên, trước khi nhận được một suất kỹ phần thừa kế bằng nhau trong khối di sản do ông T2 để lại trừ các nghĩa vụ tài sản của ông T2.

[3] Từ những phân tích trên, bị đơn bà Tô Nguyễn Linh P kháng cáo đối với toàn bộ bản án sơ thẩm nhưng tại cấp phúc thẩm cũng không cung cấp được chứng cứ mới nên không có căn cứ chấp nhận. Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét đánh giá toàn diện các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đảm bảo quyền và lợi ích các bên, xét xử phù hợp với quy định pháp luật.

[4] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là chưa phù hợp.

[5] Về án phí phúc thẩm: Bà Tô Nguyễn Phương L và bà Tô Nguyễn Linh P phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 148, khoản 1 Điều 308 và Điều 313 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 614, Điều 615, Điều 651 và Điều 658 của Bộ luật Dân sự 2015;

Căn cứ Điều 66 của Luật Hôn nhân và gia đình 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Tô Nguyễn Linh P.

2. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 290/2024/DSST ngày 10 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố D, tỉnh Bình Dương.

3. Về án phí dân sự phúc thẩm:

3.1. Bà Tô Nguyễn Phương L được hoàn trả số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) đã đóng theo Biên lai tạm ứng án phí số 0001784 ngày 22/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố D, tỉnh Bình Dương.

3.2. Bà Tô Nguyễn Linh P phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) và được khấu trừ vào số tiền đã đóng theo các Biên lai tạm ứng án phí số 0001855 ngày 05/11/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố D, tỉnh Bình Dương.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bình Dương;
- Chi cục THADS thành phố D;
- TAND thành phố D;
- Các đương sự;
- Tổ Hành chính tư pháp;
- Lưu: Hồ sơ, Tòa Dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Trung Dũng